

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 267/2024/HS-ST
Ngày: 30-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Năm – Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm - Hội trường số 4 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần - Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 213/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1959, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 197/54/29/1A, tổ 5, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: 197/54/29/1A, tổ 5, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Hưu trí; Họ tên cha: Trương Văn R, sinh năm 1938; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1938; Gia đình có 10 anh em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt và bị giam giữ từ ngày 08/11/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Bị cáo có mặt).

*** Bị hại:** Công ty Cổ phần C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm H – Chức vụ: Giám đốc Cảng L.

Địa chỉ: 1B-D3, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: 9/41, đường T, tổ 11, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

*** Người làm chứng:** 1/ Anh Nguyễn T, sinh năm 1998

Địa chỉ: 15/G, tổ 17, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2/ Anh Trương K, sinh năm 1963

Địa chỉ: 25, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

3/ Chị Võ B, sinh năm 1985

Địa chỉ: 71/72/12, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

*** Các cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ sở giam giữ:**

1/ Đồng chí Trần Nam L;

2/ Đồng chí Cao Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần C, có trụ sở tại 1B-D3 phường L, thành phố Biên Hoà ký kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T tại số 9/41, tổ 11, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và thu phí tại Cảng L trực thuộc Công ty Cổ phần C.

Trương Văn T là Đội trưởng đội bảo vệ được Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T phân công nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc các vị trí bảo vệ và hàng ngày, sau khi các nhân viên tại 02 cổng bảo vệ của Cảng L thu tiền phí xe ra vào cảng sẽ giao lại cho T để đem về nộp cho Phòng kế toán của Cảng L. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, từ ngày 07/7/2022 đến ngày 17/7/2022, sau khi nhận được tiền phí xe ra vào cảng do anh Nguyễn T, ngụ tại số 15/G, tổ 17, khu phố 1, phường L, thành phố B và chị Nguyễn Thị Phương T, ngụ tại số 06, B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là nhân viên bảo vệ tại Cảng L bàn giao thì T không nộp lại cho Phòng kế toán của Cảng L mà chiếm đoạt để tiêu xài và trả nợ cá nhân hết, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 07/7/2022, anh T bàn giao cho T 14.345.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 02: Ngày 08/07/2022, anh T bàn giao cho T 12.205.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 03: Ngày 09/7/2022, anh T bàn giao cho T 8.585.000 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 04: Ngày 10/7/2022, anh T bàn giao cho T 4.545.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 05: Ngày 11/7/2022, anh T bàn giao cho T 13.835.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 06: 12/7/2022, anh T bàn giao cho T 10.645.000 đồng (Mười triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 07: 13/7/2022, anh T bàn giao cho T 10.690.000 đồng (Mười triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 08: 14/7/2022, anh T bàn giao cho T 12.845.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 09: 15/7/2022, anh T bàn giao cho T 13.305.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 10: 16/7/2022, chị Nguyễn Thị Phương T bàn giao cho T 9.905.000 đồng (Chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền thu phí xe ra vào cảng.

Lần 11: 17/7/2022, anh T bàn giao cho T 3.530.000 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền phí xe ra vào cảng và T đã chiếm đoạt.

Sự việc xảy ra phòng kế toán Công ty Cổ phần C đã phát hiện và thông báo cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xác minh. Ngày 08/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt tạm giam Trương Văn T để điều tra, xử lý.

- Vật chứng của vụ án: Không.

- Về dân sự: Hiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T đã bồi thường cho Công ty cổ phần C số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty cổ phần C không có yêu cầu gì khác. Bị cáo Trương Văn T và gia đình đã bồi hoàn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến gì thêm. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 215/CT-VKSBH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Văn T mức án từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T đã bồi thường cho Công ty cổ phần C số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty cổ phần C không có yêu cầu gì khác. Bị cáo Trương Văn T và gia đình đã bồi hoàn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T cũng không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T đã khai nhận: Từ ngày 07/07/2022 đến ngày 17/7/2022, Trương Văn T là Đội trưởng đội bảo vệ được Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ T phân công nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc các vị trí bảo vệ và hàng ngày sau khi các nhân viên tại 02 cổng bảo vệ của Cảng L thu tiền phí xe ra vào cảng sẽ giao lại cho bị cáo T để đem về nộp cho Phòng kế toán của Cảng L. Bị cáo T đã 11 lần lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để nhận tiền phí xe ra vào Cảng do nhân viên thu phí nộp với tổng số tiền là 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) rồi chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau đó bị cáo T bị phát hiện và khởi tố để điều tra, xử lý.

Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn T phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 215/CT-VKSBH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Bị cáo phạm tội với tình tiết từ 02 lần trở lên, số tiền chiếm đoạt là 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), đây là hai tình tiết định khung được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt; tại phiên tòa bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy, bị cáo tuổi đã cao không còn trong độ tuổi lao động, cũng không có tài sản nào khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T đã bồi thường cho Công ty cổ phần C số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty cổ phần C không có yêu cầu gì khác. Bị cáo Trương Văn T và gia đình đã bồi hoàn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T số tiền 114.705.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ T cũng không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Trương Văn T** phạm tội “**Tham ô tài sản**”;

Xử phạt bị cáo Trương Văn T mức án: **07 (Bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương